

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2020/DS-ST

Ngày: 21 – 7 – 2020

V/v: *Tranh chấp tiền huê.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung

2. Ông Nông Hữu Dân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 588/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2019 về việc “*Tranh chấp tiền huê*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2020/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2020/QĐST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Thân Thị N – Sinh năm 1988. (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà xx, thôn x, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H – Sinh năm 1988. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà xx, thôn x, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thái S – Sinh năm 1980. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn x, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Phạm Thị T - Luật sư Văn phòng Luật sư M, thuộc đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk, có đơn từ chối tham gia tố tụng.

Địa chỉ: 100/8A đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại bản tự khai và quá trình tham gia giải quyết vụ án nguyên đơn bà Thân Thị N trình bày:**

Bà N có quen biết với bà Nguyễn Thị H nên bà đã vào chơi huê của bà H.

Vào ngày 20/7/2018 (AL) bà N vào chơi 2 chân huê hàng tháng đóng 1.600.000 đồng trong vòng 12 tháng, tổng số tiền là 9.800.000 đồng.

Vào ngày 25/7/2018 (AL) bà N vào chơi 2 chân huê hàng tháng đóng 1.600.000 đồng trong vòng 12 tháng tổng số tiền là 9.800.000 đồng

Vào ngày 05/11/2018 bà N vào 2 chân huê hàng tháng đóng 1.600.000 đồng trong vòng 12 tháng, số tiền đóng được là 14.400.000 đồng.

Trong thời gian chơi có một số chân huê bà N đã hết hợp đồng bà H không chịu trả số tiền trên theo thỏa thuận giữa hai bên trong giấy tờ hóa đơn vào huê của bà H.

Nay bà N làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H trả cho bà N số tiền là 53.600.000 đồng.

Việc chơi huê này chỉ có mình bà N tham gia không liên quan đến chồng bà N. Đối với những người tham gia dây huê thì bà N không được biết ai, chỉ mình cái huê là biết những người tham gia là ai nên bà N không đề nghị Tòa án triệu tập ai tham gia tố tụng. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Tại bản tự khai ngày 15/10/2019 bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:**

Bà và bà Thân Thị N là hàng xóm, hai bà có cùng nhau thỏa thuận chơi huê, nhằm giúp đỡ nhau trong cuộc sống, bà N có tham gia tổng cộng là 5 chơi huê (dây 1.000.000 đồng) mỗi chân đóng 1 tháng là 800.000 đồng và sẽ lời 200.000 đồng/1 tháng/1 chân.

Dây thứ nhất sổ vào ngày 25/7/2018 AL bà N tham gia 2 chân sang của bé Lâm Linh. Dây gồm những người Minh 7 chân, Lâm, Linh 2 chân, Dung 3 chân. Người hót là Minh. Đối với dây huê này thì bạn Lâm đóng được 8 tháng thì nghỉ không chơi nữa sang lại cho bà N 2 chân, từ ngày 25/7/2018 AL đến 25/3/2018 AL với số tiền là 8.000.000 đồng của bạn Lâm, tiếp theo bà N đóng thêm 2 tháng mỗi tháng 1.600.000 đồng = 3.200.000 đồng. Vậy tổng cộng dây huê này bà N chỉ đóng cho bà H với số tiền là 11.200.000 đồng, chúng tôi đã xảy ra mâu thuẫn và bà N cũng đã không đóng nữa. Dây huê kết thúc ngày 25/7/2018 AL.

Tiếp theo là dây sổ vào ngày 20/7/2018 AL chơi 12 tháng gồm những người Quyên Vân 3 chân, Hồng 3 chân, Nghĩa 4 chân, Tường 2 chân. Người hót là Hồng Dung, Vân Nguyên, Vân, Nghĩa. Đối với dây huê này bà N sang lại 2 chân của anh Nghĩa nghỉ chơi, vì không được hót nữa nên Nghĩa không đóng nữa và đã đóng được 8 tháng với số tiền là 12.800.000 đồng, sang lại cho bà N với giá tiền 8.000.000 đồng, anh Nghĩa chịu lỗ 4.800.000 đồng, bà N đã hưởng và bà đã ghi lại biên nhận cho bà N dây huê vào 2 chân ngày 20/7/2018 AL.

Vào ngày 20/2/2019 AL bà N đóng theo dây được 3 tháng, 4.800.000 đồng, sau đó thì chúng tôi đã xảy ra mâu thuẫn và bà N đã không đóng nữa. Vậy

đối với dây huê này bà N chỉ đóng cho bà tổng số tiền 12.800.000 đồng. Dây huê kết thúc ngày 20/7/2019 AL.

Tiếp theo dây số vào ngày 05/11/2018 AL bà N tham gia 1 chân, chơi 12 tháng dây 1.000.000 đồng gồm những người Linh + bạn 10 chân, Nga 1 chân, Nga cậu 1c, người hót Linh. Đối với dây huê này bà Nga đóng được 5 tháng mỗi tháng 800.000 đồng 1 chân, số tiền 4.000.000 đồng và sau đó bà N đã bỏ. Dây huê kết thúc ngày 5/11/2019 AL

Vì vậy hiện tại bà N khởi kiện bà trả số tiền 53.600.000 đồng thì bà không đồng ý vì bà N đã tính cả tiền lời, mong Tòa xem xét.

*** Tại bản tự khai ngày 03/01/2020 người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Thái S trình bày:**

Bà Hiền và bà Thân Thị N là hàng xóm có tổ chức cùng nhau thỏa thuận chơi huê, nhằm giúp đỡ nhau trong cuộc sống, bà N có tham gia tổng cộng 5 chân huê (dây 1.000.000 đồng) mỗi chân đóng 1 tháng 800.000 đồng và sẽ lời 200.000 đồng mỗi tháng.

Dây thứ nhất ngày 25/7/2018 AL bà N tham gia 2 chân sang của bé Lâm Linh. Dây gồm những người Minh 7 chân, Lâm, Linh 2 chân, Dung 3 chân, người hót là Minh.

Đối với dây huê này thì bạn Lâm đóng được 8 tháng thì nghỉ không chơi nữa sang lại cho bà N 2 chân, từ ngày 25/7/2018 AL đến ngày 25/3/2019 AL với số tiền 12.800.000 đồng. Bà N nhận lại dây 25/7/2018 AL với số tiền 8.000.000 đồng của bạn Lâm, tiếp theo bà N đóng thêm 2 tháng mỗi tháng 1.600.000 đồng là 3.200.000 đồng. Vậy tổng cộng dây huê này bà N chỉ đóng cho bà H với số tiền 11.200.000 đồng. Sau đó, bà H và bà N đã xảy ra mâu thuẫn và bà N cũng đã không đóng nữa. Dây huê kết thúc ngày 25/7/2019 AL.

Tiếp theo dây huê số vào ngày 20/7/2018 AL chơi 12 tháng gồm những người Quyên Vân 3 chân, Hằng 3 chân, Nghĩa 4 chân, Tường 2 chân. Người hót là Hồng, Dung, Vân, Nguyên, Vân + Nghĩa. Đối với dây huê này bà N sang lại 2 chân của anh Nghĩa nghỉ chơi, vì không được hót nữa nên Nghĩa không đóng nữa và đã đóng được 8 tháng với số tiền 12.800.000 đồng, sang lại cho bà N số tiền 8.000.000 đồng, anh Nghĩa chịu lỗ 4.800.000 đồng. Bà N đã hưởng và ghi lại biên nhận cho bà N dây huê vào 2 chân ngày 20/7/2018 AL.

Tiếp theo ngày 20/2/2019 AL bà N đóng theo dây được 3 tháng 4.800.000 đồng, sau đó thì bà H đã xảy ra mâu thuẫn và bà N đã không đóng nữa. Vậy đối với dây huê này bà N chỉ đóng cho bà H tổng số tiền 12.800.000 đồng. Dây huê kết thúc ngày 20/7/2019 AL.

Tiếp theo dây huê vào ngày 05/11/2019 bà N tham gia 1 chân, chơi 12 tháng. Dây 1.000.000 đồng gồm Linh + Bạn 10 chân, Nga 1 chân, Nga cậu 1 chân, hót là Linh. Đối với dây huê này bà N đóng được 5 tháng mỗi tháng 800.000 đồng/1 chân, với số tiền là 4.000.000 đồng và sau đó bà N đã bỏ. Dây huê kết thúc ngày 05/11/2019 AL.

Vì vậy hiện tại bà N kiện bà H với số tiền trên là không đúng.

Hiện nay hoàn cảnh bà H rất khó khăn, vì còn phải nuôi 2 con nhỏ nên bà H xin được trả dần hàng tháng, mỗi tháng 500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn có trách nhiệm trả số tiền huê đã nhận là 53.600.000 đồng, đây là quan hệ “*Tranh chấp tiền huê*”. Bị đơn hiện cư trú tại thành phố Buôn Ma Thuột, theo quy định tại khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, do vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

* Trong đơn khởi kiện nguyên đơn bà Thân Thị N yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị H trả số tiền 58.800.000 đồng, theo 3 dây huê, tổng cộng tham gia 6 chân. Cụ thể:

Vào ngày 20/7/2018 (AL) bà N vào chơi 2 chân huê hàng tháng đóng 1.600.000 đồng trong vòng 12 tháng, tổng số tiền đã đóng là 19.600.000 đồng.

Vào ngày 25/7/2018 (AL) bà N vào chơi 3 chân huê hàng tháng đóng 2.400.000 đồng trong vòng 12 tháng, tổng số tiền đã đóng là 29.400.000 đồng.

Vào ngày 05/11/2018 bà N vào 1 chân huê hàng tháng đóng 1.000.000 đồng trong vòng 9 tháng, số tiền đã đóng là 9.800.000 đồng.

- Tại bản tự khai ngày 15/10/2019 bà N xác định tham gia 6 chân. Cụ thể:

Vào ngày 20/7/2018 (AL) bà N vào chơi 2 chân huê hàng tháng đóng 1.600.000 đồng trong vòng 12 tháng, tổng số tiền đã đóng là 9.800.000 đồng.

Vào ngày 25/7/2018 (AL) bà N vào chơi 2 chân huê hàng tháng đóng 1.600.000 đồng trong vòng 12 tháng tổng số tiền đã đóng là 9.800.000 đồng

Vào ngày 05/11/2018 bà N vào 2 chân huê hàng tháng đóng 1.600.000 đồng trong vòng 12 tháng, số tiền đã đóng là 14.400.000 đồng. Đề nghị Tòa án buộc bà H trả số tiền 53.600.000 đồng.

- Trong quá trình làm việc tại biên bản làm việc ngày 25/5/2020 bà N xác định đối chiếu từng dây huê. Cụ thể:

Đối với dây huê ngày 20/7/2018 bà N đóng được 2 dây, 1 tháng 1.600.000 đồng, thời hạn 12 tháng. Tháng đầu đóng áp thảo 2.000.000 đồng. Dây này bà đóng được 12 tháng. Tổng số tiền đã đóng là 19.600.000 đồng.

Đối với dây huê ngày 05/11/2018 bà N đóng 2 chân, mỗi chân 800.000 đồng, mỗi dây đóng 9 tháng, 2 dây tổng số tiền đã đóng là 14.400.000 đồng.

Đối với dây huê ngày 25/7/2018 đóng 2 dây, 1 tháng đóng 1.600.000 đồng, đóng 12 tháng, tổng số tiền đã đóng là 19.600.000 đồng. Do tháng đầu đóng áp thảo 2.000.000 đồng.

Bà xác định do tính nhầm nên trong đơn khởi kiện số tiền yêu cầu là 58.800.000 đồng. Tại phiên tòa bà xác định tổng số tiền bà H nợ bà N là 53.600.000 đồng

* Bị đơn bà Nguyễn Thị H và người đại diện theo ủy quyền của bà H là Nguyễn Thị Thái Sơ xác định:

Dây ngày 25/7/2018 AL bà N nhận lại dây ngày 25/7/2018 với số tiền 8.000.000 đồng của bạn Lâm, tiếp theo bà N đóng thêm 2 tháng, mỗi tháng 1.600.000 đồng là 3.200.000 đồng, dây huê kết thúc ngày 25/7/2019 AL, với tổng dây huê này bà N đóng được số tiền 11.200.000 đồng.

Dây ngày 20/7/2018 AL dây này bà N sang lại 2 chân của anh Nghĩa nghỉ chơi, không đóng nữa và anh Nghĩa đã đóng được 8 tháng với số tiền 12.800.000 đồng, sang lại cho N với giá 8.000.000 đồng, anh Nghĩa chịu lỗ 4.800.000 đồng, bà N đã hưởng và ghi lại biên nhận cho bà N dây huê vào 2 chân ngày 20/7/2018 AL. Tiếp theo ngày 20/2/2019 AL bà N đóng theo dây thêm 3 tháng nữa 4.800.000 đồng. Dây huê kết thúc ngày 20/7/2019 AL. Tổng số tiền dây huê này bà N đóng là 12.800.000 đồng.

Dây ngày 05/11/2018 AL bà N tham gia 1 chân, đóng được 5 tháng, mỗi tháng 800.000 đồng. Dây huê kết thúc ngày 05/11/2019 AL, với tổng số tiền bà N đã đóng là 4.000.000 đồng.

Sau đó bà N bỏ chơi, nên không đóng thêm khoản tiền nào nữa.

Vậy theo lời trình bày của phía bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn xác định nguyên đơn chỉ đóng cho bị đơn tổng số tiền 28.000.000 đồng.

Nguyên đơn bà Thân Thị N: Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả số tiền huê đã nhận là 53.600.000 đồng. Nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh đã giao cho bà Nguyễn Thị H số tiền huê là 53.600.000 đồng, chỉ có cung cấp được 04 bản phô tô Giấy biên nhận cho vay hốt huê dây vào ngày 25/7/2018 (âm lịch); ngày 25/7/2018 (âm lịch); ngày 20/7/2018 (âm lịch), ngày 05/11/2018 AL có nội dung thể hiện bị đơn bà Nguyễn Thị H có nhận của nguyên đơn bà Thân Thị N tổng cộng số tiền là 5.000.000 đồng. Còn bị đơn bà Nguyễn Thị H chỉ thừa nhận có nhận tiền chơi huê của nguyên đơn bà Thân Thị N là 28.000.000 đồng.

Tuy nhiên đối với dây ngày 20/7/2018 AL thì bà H xác định bà N mua lại dây huê của anh Nghĩa tham gia từ đầu được 8 tháng với số tiền 12.800.000 đồng, sang lại cho bà N với số tiền 8.000.000 đồng, anh Nghĩa chịu lỗ 4.800.000 đồng.

Bà Hiền chỉ chấp nhận trả cho bà N số tiền 8.000.000 đồng, nhưng theo lời khai của bà H là do anh Nghĩa chịu lỗ, bà H đã đồng ý và viết lại giấy biên nhận cho bà N tham gia từ đầu là ngày 20/7/2018 AL 2 chân (Bút lục số 21). Do đó cần xem xét chấp nhận cho nguyên đơn số tiền bà N đã mua lại từ đầu của dây huê ngày 20/7/2018 AL là 12.800.000 đồng, đóng tiếp 4.800.000 đồng. Tổng dây huê này bà N đóng được cho bà H là 17.600.000 đồng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thân Thị N, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả số tiền huê đã nhận là 53.600.000 đồng. Mà chỉ có căn cứ để chấp nhận một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Thân Thị N, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H phải trả cho nguyên đơn bà Thân Thị N số tiền 32.800.000 đồng, là phù hợp với quy định pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Đối với việc nguyên đơn bà Thân Thị N yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị H phải trả số tiền 53.600.000 đồng – 32.800.000 đồng = 20.800.000 đồng là không có căn cứ, nên không chấp nhận, bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Thân Thị N đối với số tiền 20.800.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do yêu cầu của nguyên đơn bà Thân Thị N được chấp nhận một phần nên nguyên đơn bà Thân Thị N phải chịu án phí đối với phần không được chấp nhận là: 20.800.000 đồng x 5% = 1.040.000 đồng án phí. Được khấu trừ vào số tiền 1.470.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị H đã nộp thay bà Thân Thị N theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0004867 ngày 25/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi khấu trừ bà Thân Thị N được nhận lại 430.000 đồng.

- Bị đơn phải chịu án phí đối với phần phải thực hiện nghĩa vụ là: 32.800.000 đồng x 5% = 1.640.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 138, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 244, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 274, Điều 280, Điều 471 Bộ Luật dân sự;

Điều 6, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Thân Thị N.

Buộc bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm phải trả cho bà Thân Thị N số tiền là 32.800.000 đồng (*Ba mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thân Thị N, về yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị H phải trả số tiền 20.800.000 đồng (*Hai mươi triệu tám trăm nghìn đồng chẵn*).

Về án phí:

- Buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.640.000 đồng (*Một triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*).

- Buộc bà Thân Thị N phải chịu tiền án phí là 1.040.000 đồng (*Một triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền 1.470.000 đồng (*Một triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị H nộp thay bà Thân Thị N theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0004867 ngày 25/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi khấu trừ bà Thân Thị N được nhận lại số tiền 430.000 đồng (*Bốn trăm ba mươi nghìn đồng*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT; tỉnh;
- Chi cục THADS TP. BMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Kim Cúc